ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Số: 5005 /BVĐHYD-VTTB

V/v mời chào giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hóa chất sát khuẩn và vật tư y tế tiêu hao theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp hóa chất sát khuẩn năm 2025

2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 12 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 9 giờ 00, ngày 21 /10 /2024.

9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31;

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan Số điện thoại: 028.3952.5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có).

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J22-282-ttbtran).

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ

BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hữu Thịnh

BM:CVĐT.01(1)

PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm Công văn số 5005 BVĐHYD-VTTB ngày 09 tháng 10 năm 2024)

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dung dịch bảo dưỡng, chống rỉ sét dụng cụ chứa Triethanolamine 8%, Ethoxylated alcohol 5%, chai 750 -1000 ml	- Thành phần: Triethanolamine 8%, Ethoxylated alcohol 5% (Tổng các thành phần dao động từ 12.4% - 13.6%) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói từ 750 -1000 ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	3
2	Dung dịch bảo dưỡng, chống rỉ sét dụng cụ chứa Glycolic acid 8%, Ethoxylated Alcohol 5%, chai 750 ml -1000 ml	- Thành phần: Glycolic acid 8%, Ethoxylated alcohol 5% (Tổng các thành phần dao động từ 12.4% - 13.6%) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói từ 750 -1000 ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	3
3	Dung dịch đánh rỉ sét và ố màu dụng cụ	- Thành phần: phosphoric axit: 15- 30%; nitric axit: 1-5% - Dạng bào chế: dung dịch - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng: can 5 lít -Đạt tiêu chuẩn ISO/CE*/FDA/EN	can	10
4	Dung dịch làm bóng, hỗ trợ làm khô dụng cụ	- Thành phần: Citric acid: 15-30%; - Dạng bào chế: dung dịch - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng: can 5 lít -Đạt tiêu chuẩn ISO/CE*/FDA/EN	can	288
5	Dung dịch rửa vết thương dạng lỏng chứa 0.1% Betaine + 0.1% polyhexadine, chai 350 ml	- Thành phần: Polyhexanide 0.1% và Betaine 0.1% (Tổng các thành phần dao động từ 0.19% đến 0.21%) - Dạng bào chế: lỏng -Thể tích đóng gói 350 ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	8.381
6	Dung dịch rửa vết thương dạng lỏng chứa 0.1% Betaine + 0.1% polyhexadine, ống 40ml	- Thành phần: Polyhexanide 0.1% và Betaine 0.1% (Tổng các thành phần dao động từ 0.19% đến 0.21%) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 40 ml (± 5%) - Đạt các tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Ống	135
7	Dung dịch rửa vết thương dạng gel chứa 0.1% Betaine + 0.1% polyhexadine, chai 30ml	- Thành phần: Polyhexanide 0.1% và Betaine 0.1% (Tổng các thành phần dao động từ 0.19% đến 0.21%) - Dạng bào chế: gel - Thể tích đóng gói 30 ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	799
8	Dung dịch rửa vết thương dạng xịt chứa Hypochlorous	- Thành phần: Sodium Chloride (NaCl) ≤ 0,08%; Hypochlorous (HOCl) và Sodium hypochlorite (NaOCl) ≤ 0,013% - Dạng bào chế: chai xịt -Thể tích đóng gói 250 ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	150
9	Dung dịch rửa vết thương dạng lỏng chứa Hypochlorous	- Thành phần: Sodium Chloride (NaCl) ≤ 0,08%; Hypochlorous (HOCl) và Sodium hypochlorite (NaOCl) ≤ 0,013% - Dạng bào chế: lỏng -Thể tích đóng gói 1000 ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	480

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
10	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme dùng làm ẩm dụng cụ, chai 750 - 1000 ml	- Thành phần: protease, lipase, Amylase, mannanase, cellulase (tổng 5 enzyme < 5%), 1-(2-methoxy-1-methylethoxy)-2-propanol < 15% - Dạng bào chế: lỏng - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ ri sét - Thể tích đóng gói từ 750 - 1000 ml -Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	252
11	Dung dịch làm ẩm dụng cụ kết hợp QAC và enzyme, chai 500 - 750 ml	- Thành phần: 0.22 g N,N-didecyl-N-methylpoly(oxyethyl) ammonium propionate, 0.23 g N-(3 aminopropyl)-N-dodecylpropane-1.3-diamine (tổng các thành phần của nhóm khử khuẩn dao động từ 0.4 - 0.5g); Protease 0.001-5% - Dạng bào chế: lỏng - Có chất hoạt động bề mặt ,chất ức chế ăn mòn/ ri sét - Thể tích đóng gói từ 500-750 ml -Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	225
12	Khăn tắm khô Chlorhexidine digluconate, 10 - 20 cái/gói	- Khăn tắm khô định dạng hình găng tay sử dụng một lần chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) có trọng lượng 60-70 gsm - Kích thước khoảng 220 x 150 mm (±5 mm) - Thành phần: Chlorhexidine digluconate 0.1%, Octenidin HCl 9ppm (0.009%). (Tổng các thành phần dao động từ 0.104% đến 0.1145%) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất -Quy cách đóng gói: 10 - 20 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ISO	Gói	2.530
13	Khăn tắm khô Chlorhexidine digluconate + QAC, 10 - 20 cái/gói	- Khăn tắm khô định dạng hình găng tay sử dụng một lần chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) có trọng lượng 42-50 gsm - Kích thước khoảng 210 x 150 mm (±5 mm) - Thành phần: Chlohexidine Gluconate 2%, Cetylpyridinium Chloride 0.05%). (Tổng các thành phần dao động từ 1.95% đến 2.15%) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Quy cách đóng gói: 10 - 20 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Gói	2.400
14	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng trong rửa máy chạy thận	- Thành phần: 1000 ml chứa 500g acid citric khan (475 -525g) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	121
15	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng trong rửa quả lọc thận	- Thành phần: Peracetic acid 5%; Hydrogen Peroxide 25%, Acetic Acid: 9% (Tổng các thành phần dao động từ 37% đến 41%) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN/ISO	Can	20
16	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ cao 0.55% Ortho-Phthalaldehyde	- Thành phần: 0.55% Ortho-Phthalaldehyde - pH 7.0-7.8 - Chất ổn định sản phẩm: chất ức chế ăn mòn/ ri sét - Dạng bào chế: dung dịch - Thể tích đóng gói từ 3.78 - 5 lít - Kèm theo que thử nồng độ - Đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật: EN14561, EN14562, EN14563, EN14476 hoặc tương đương	Lít	16.440

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
17	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ cao Acid peracetic 1000-2000 ppm	- Thành phần: 60% N-Acetylcaprolactam + 3.01% Hydrogen peroxyde (Tổng các thành phần dao động từ 60-66%). Dung dịch sau hoạt hóa thành Acid Peracetic 1000-2000ppm) - Chất ổn định sản phẩm: chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói can 5 lít (± 2.5%) - Kèm theo que thử nồng độ - Đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật: EN14561, EN14562, EN14563, EN14476 hoặc tương đương	Lít	8.220
18	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ cao 0.575%-0.6% Ortho-Phthalaldehyde	- Thành phần: 0.575 - 0.6% Ortho-Phthalaldehyde - pH 7.0-7.8 - Chất ổn định sản phẩm: chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: dung dịch - Thể tích đóng gói từ 3.78 - 5 lít - Kèm theo que thử nồng độ - Đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật: EN14561, EN14562, EN14563, EN14476 hoặc tương đương	Lít	4.104
19	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ cao Hydrogen Peroxide	- Thành phần: Hydrogen peroxide sau hoạt hóa 2% (tương đương Hydrogen peroxide 7,5%) , 2-Furancarboxylic acid: 2 – 3% - Chất ổn định sản phẩm: chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: dung dịch - Thể tích đóng gói từ 4 - 5 lít - Kèm theo que thử nồng độ - Đạt các tiêu chuẩn: Đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật: EN14561, EN14562, EN14563, EN14476 hoặc tương đương	Lít	4.116
20	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ trung bình 6.5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0.074% Chlorhexidine digluconate, chai 1 lít	- Thành phần: Didecyldimethyl ammonium chloride 6.5%, Chlorhexidine digluconate 0.074% (Tổng các thành phần dao động từ 6.2% đến 6.9%) - Có chất hoạt động bề mặt - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 1 lít (±5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	245
21	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ trung bình 6.5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0.074% Chlorhexidine digluconate, can 5 lít	- Thành phần: Didecyldimethyl ammonium chloride 6.5%, Chlorhexidine digluconate 0.074% (Tổng các thành phần dao động từ 6.2% đến 6.9%) - Có chất hoạt động bề mặt - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít (±5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	500
22	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ trung bình 20% Cocopropylene Diamine, chai 1 lít	- Thành phần: Cocopropylene Diamine 19-21% - Có chất hoạt động bề mặt - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 1 lít (±5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Chai	39
23	Hóa chất khử khuẩn mức độ trung bình dạng viên nén chứa 2.5g Troclosense sodium	- Thành phần: 2.4g - 2.7 g Troclosense sodium - Dạng bào chế: viên nén - Quy cách đóng gói: 100 viên/hộp - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Viên	5.700
24	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng trong khử khuẩn mức độ trung bình 20% Cocopropylene Diamine, can 5 lít	- Thành phần: Cocopropylene Diamine 19-21% - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng gói can 05 lít - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	170

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
25	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng bề mặt phương tiện, thiết bị y tế hoạt chất QAC+CHG+alcohol, chai 750 - 1000ml	- Thành phần: 0,053% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,064 % Chlorhexidine digluconate kết hợp 22,6% Ethanol (Tổng các thành phần dao động từ 21% đến 24%) - Dạng bào chế: lỏng (chai xịt) - Thể tích đóng gói từ 750 - 1000ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Chai	468
26	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng bề mặt phương tiện, thiết bị y tế hoạt chất alcohol, chai 500 - 1000ml	- Thành phần: Ethanol 62%, N-(3-Aminopropyl)-N-dodecylpropane-1,3-diamine 0.15% (Tổng các thành phần dao động từ 59% đến 65.3%) - Dạng bào chế: lỏng (chai xịt) - Thể tích đóng gói từ 500 - 1000ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Chai	170
27	Khăn lau khử khuẩn bề mặt, thiết bị y tế tẩm QAC, 100 -120 cái/gói	- Thành phần: Alkylbenzyl Dimethylammonium Chloride 0.095%, Didecyl Dimethylammonium Chloride 0.025% (Tổng các thành phần dao động từ 0.114% đến 0.126%) - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 20 x 20 cm (±2 cm) - Quy cách đóng gói 100 -120 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Gói	6.252
28	Khăn lau khử khuẩn bề mặt thiết bị y tế tẩm Hydrogen Peroxide, 100 -120 cái/gói	- Thành phần: Hydrogen Peroxide 0.34% - 0.38% - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 26 x 20 cm (±2 cm) - Đóng gói từ 100 -120 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Gói	1.000
29	Khăn lau khử khuẩn bề mặt thiết bị y tế tẩm QAC và alcohol, 150 - 200 cái/gói	- Thành phần: Didecyldimethylammonium Chloride 0.76%, Ethanol 7.5%, Isopronanol 15% (tổng các thành phần dao động từ 22.1% đến 24.4%) - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 15 cm x 17cm (±2 cm) - Đóng gói từ 150 - 200 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Gói	2.000
30	Khăn lau khử khuẩn bề mặt, thiết bị y tế tẩm Alcohol, 200 -250 cái/gói	- Thành phần: 0.28% Benzethonium Chloride, 18% Isopropyl Alcohol (Tổng các thành phần dao động từ 17% đến 19.5%) - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 15 x 20 cm (±2 cm) - Đóng gói từ 200 -250 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Hộp	650
31	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme (04 loại): Subtilisins, lipase, amylase, cellulase, can 5 lít	- Thành phần: Subtilisins (<1%) ,1.2-benzisothiazol-3(2H)-one (<0.05%), lipase (<0.1%), amylase (<0.1%) , và Cellulase (<0.1%), - Dạng bào chế: lỏng - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng gói 5 lít (±5%) - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE*/FDA	Can	360

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
32	Hóa chất tẩy rửa dụng cụ chứa 2.5% Protease + 2.75% Didecyl Dimethylammonium Chloride, gói 5g	- Thành phần: Protease 2.5%, Didecyl Dimethylammonium Chloride 2.75% (Tổng các thành phần dao động từ 5% đến 5.5%) - Có chất hoạt động bề mặt - Dạng bào chế: bột - Quy cách đóng gói 5gram (±5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Gói	16.560
33	Dụng dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme: 0.5% Protease + 0.2% Lipase + 0.15% Amylase +0.05% Cellulase, can 3,8- 5 lít	- Thành phần: 0.5% Protease + 0.2% Lipase + 0.15% Amylase + 0.05% Cellulase (Tổng các thành phần dao động từ 0.85 - 0.95%) - pH trung tính - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng gói can 3,8- 5 lít - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA	Can	478
34	Dụng dịch tẩy rửa dụng cụ chứa 0.5% Protease, chai 1 lít	- Thành phần: Protease 0.475- 0.525% - pH trung tính - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng gói chai 01 lít - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	355
35	Dụng dịch tẩy rửa dụng cụ chứa 0.5% Protease, can 5 lít	- Thành phần: Protease 0.475- 0.525% - pH trung tính - Có chất hoạt động bề mặt, - Thể tích đóng gói can 05 lít - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	749
36	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ chứa 3% enzyme Savinase 16 lex (protease), can 5 lít	- Thành phần: Protease 2.85 - 3.15% - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng gói can 05 lít - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	191
37	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ kết hợp enzyme protease 2% + QAC	- Thành phần: Enzyme protease ≤ 2%; Tetrapotassiumdiphosphate: 1-5%; fatty alcohol alkoxylate: 1-5%; và N,N-Dimethyldecylamin-N-oxide: 1-5%; sodium acrylate: < 1% - Dạng bào chế: lỏng - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng gói 5 lít (±5%) - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE*/FDA	Can	360
38	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme (3 enzyme)+ QAC	- Thành phần: 14% N,N-Didecyl-N-Methyl-poly(oxyethyl)ammonium propionate + 0,3% Chlorhexidine digluconate (tổng 2 nhóm dao động từ 13-15%), hỗn hợp 3 enzym: 0.5%-2% Protease, 0.1%-0.5% Lipase, 0.1%-0.5% Amylase. - Có chất hoạt động bề mặt - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít (±5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	390
39	Hóa chất tẩy rửa dụng cụ chứa Enzyme Protease + QAC	- Thành phần: 11.2 g N-(3-aminopropyl)-N-dodecylpropane-1,3-diamine 11.7 g N,N-didecyl-N-methyl-poly(oxyethyl) ammonium propionate (Tổng các thành phần nhóm khử khuẩn dao động từ 21g đến 24g); Protease 0.001-5% - Có chất hoạt động bề mặt - Dạng bào chế: dung dịch - Thể tích đóng gói: can/5 lít - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	251

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
40	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dùng trong phun sương khử khuẩn bề mặt môi trường chứa Hydrogen Peroxide 6%, chai 1 lít	- Thành phần: Hydrogen Peroxide 5,7% -6,3% + Ion Ag 15-75ppm (0.0015-0.0075%) - Dạng bào chế: lỏng - Thời gian tiếp cận phòng ≤ 60 phút - Thể tích đóng gói 1 lít (±5%) - Đạt các tiêu chuẩn ISO/CE*	Chai	1.619
41	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dùng trong phun sương khử khuẩn bề mặt môi trường chứa Hydrogen Peroxide 7.5%, can 5 lít	- Thành phần: Hydrogen peroxide 7.125 - 7.875 % + Ion Ag 15-150ppm (0.0015-0.015%) - Thời gian tiếp cận phòng ≤ 120 phút - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít (±5%) - Đạt các tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Can	231
42	Que thử nồng độ Peracetic acid, trước khi bảo quản	- Định lượng chất Peracetic acid trong màng lọc (Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm) - Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 12 giây - Quy cách đóng gói: hộp/100 que - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN/ISO	Hộp	14
43	Que thử nồng độ Hydrogen Peroxide, sau khi làm sạch	- Định lượng chất Peroxide trong màng lọc (Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm) - Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 20 giây - Số lượng đóng gói từ 100 - 150 cái/hộp - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN/ISO	Hộp	16
44	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật (Rửa tay ngoại khoa) 4% Chlorhexidine Gluconate, can 5 lít	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 4%, Isopropanol (Isopropyl Alcohol) 3- 10%. - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Can	973
45	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật (Rửa tay ngoại khoa) 4% Chlorhexidine Gluconate, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 4%, Isopropanol 3- 10%. - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500 ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	900
46	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật (Rửa tay ngoại khoa) 4% Chlorhexidine digluconate, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500 ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	357
47	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật (Rửa tay ngoại khoa) 4% Chlorhexidine digluconate, can 5 lít	- Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 05 lít (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Can	86
48	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa cocamidopropyl betaine, Sodium C14-17 alkyl sulfonate, can 5 lít	- Thành phần: Cocamidopropyl betaine 3%, Sodium C14-17 alkyl sulfonate 1.8% (Tổng các thành phần dao động từ 3% đến 3.34%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn: CE*/FDA/EN/ASTM E/ISO	Can	365

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
49	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa cocamidopropyl betaine, Sodium C14-17 alkyl sulfonate, chai 500 ml	- Thành phần: Cocamidopropyl betaine 3%, Sodium C14-17 alkyl sulfonate 1.8% (Tổng các thành phần dao động từ 3% đến 3.34%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E/ISO	Chai	3.380
50	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa 2% Chlorhexidine Gluconate, can 5 lít	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 2% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Can	300
51	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa 2% Chlorhexidine Gluconate, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 2% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500 ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	5.642
52	Dung dịch rửa vết thương chứa 7.5% Povidone iodine, chai 500 ml	- Thành phần: Povidone iodine 7.5% - Dạng bào chế: lỏng -Thể tích đóng gói từ 500 - 1000 ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	3.752
53	Dung dịch rửa vết thương chứa 1% Povidone iodine + 50% 2-propanol, chai 250-500 ml	- Thành phần: Povidone Iodine 1%, 2-propanol 50% (Tổng các thành phần dao động từ 48.5% - 53.5%) - Dạng bào chế: lỏng (chai xịt) - Thể tích đóng gói từ 250-500 ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Chai	2.933
54	Dung dịch rửa vết thương chứa 7.5% Povidone iodine, chai 100 ml	- Thành phần: 7.4-7.5% Povidone iodine - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 100 ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Chai	55.605
55	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có Ethanol 70% + Propanol-2-ol 1.74%, chai 500 ml	- Thành phần: Ethanol 70%, Propanol-2-ol 1.74% (tổng các thành phần động từ 68% đến 75%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Thể tích đóng gói 500 ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	15.000
56	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel chứa 52% Ethanol, 18% Propane-2-ol, chai 500ml	- Thành phần: Ethanol 52%, Propane-2-ol 18% (tổng các thành phần dao động từ 66.5% đến 73.5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Thể tích đóng gói 500 ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	15.000
57	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel có 63% Ethanol, sử dụng theo máy phân lượng (dạng cơ), chai 1200-1500 ml	- Thành phần: Ethanol 63%, Isopropyl Alcohol 3.4 % (Tổng các thành phần dao động từ 63% đến 69%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều, sử dụng với máy phân lượng dạng cơ - Thể tích đóng gói từ 1200-1500 ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	603

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
58	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel có 63% Ethanol, chai 354 - 500ml	- Thành phần: Ethanol 63%, Isopropyl Alcohol 3.4 % (Tổng các thành phần dao động từ 63% đến 69%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều - Thể tích đóng gói từ 354 - 500ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	4.077
59	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel có 63% Ethanol, sử dụng theo máy phân lượng (tự động), chai 1200 -1500 ml	- Thành phần: Ethanol 63%, Isopropyl Alcohol 3.4 % (Tổng các thành phần dao động từ 63% đến 69%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều, sử dụng với máy phân lượng dạng tự động - Thể tích đóng gói từ 1200 -1500 ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	416
60	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có 45% ethanol và 18% n-propanol, chai 100 ml	- Thành phần: Ethanol 45%, n-propanol 18% (Tổng các thành phần dao động từ 60% đến 66%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 100 ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	1.630
61	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có 45% ethanol và 18% n-propanol, chai 500 ml	- Thành phần: Ethanol 45%, n-propanol 18% (Tổng các thành phần dao động từ 60% đến 66%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500 ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	6.730
62	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có chứa 0.5% Chlorhexidine Gluconate + 70% Ethanol, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 0.5%, Ethanol 70% (Tổng các thành phần dao động từ 67 đến 74%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) ≤ 3% hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500 ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	5.172
63	Dung dịch tắm trước phẫu thuật chứa Chlorhexidine digluconate 4% , chai 100 ml	- Thành phần: chlorhexidine gluconate /chlorhexidine digluconate 4% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 100 ml (± 5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	22.730

Ghi chú: CE = Tiêu chuẩn Châu Âu

CÔNG TY: .....

ĐỊA CHỈ: .....

SỐ ĐIỆN THOẠI NHÂN SỰ PHỤ TRÁCH: .....

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TP.Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

Theo công văn mời chào giá số ……../BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ											
TT	**TT trong danh mục mời chào giá**	**Tên hàng hóa**	**Tên thương mại**	**Ký mã hiệu**	**Nhãn hiệu**	**Năm sản xuất**	**Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)**	**Hãng sản xuất**	**Đặc tính kỹ thuật cơ bản**	**ĐVT**	**Số lượng (có khả năng cung ứng)**	**Đơn giá có VAT (VNĐ)**	**Thành tiền có VAT (VNĐ)**	**Ghi chú**
														QĐ trúng thầu hoặc HĐ trúng thầu số …. ngày…., tại Bệnh viện….., giá trúng thầu: … VNĐ

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực ….. tháng kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.

Ngày … tháng …. năm ….

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

BM: CVĐT.03(1)